

Số: 1751/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 26 tháng 5 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đơn giá tạm thời để đặt hàng dịch vụ: Cổ động, triển lãm, trang trí; dịch và lồng tiếng dân tộc; tuyên truyền lưu động; xây dựng phim phóng sự, tài liệu sử dụng ngân sách nhà nước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh Lào Cai quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh Lào Cai, ban hành Quy định định mức hoạt động và một số mức chi đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động và Đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai v/v phê duyệt danh mục sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3800/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành bộ đơn giá sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, truyền thông đa nền tảng sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền của tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 4/2/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 91/TTr-SVHTTDL ngày 19/5/2021 và Báo cáo thẩm định số 117/BC-STC ngày 12/5/2021 của Sở Tài chính.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá tạm thời để đặt hàng dịch vụ: Cổ động, triển lãm, trang trí; dịch và lồng tiếng dân tộc; tuyên truyền lưu động; xây dựng phim phóng sự, tài liệu sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Đơn giá cổ động, triển lãm, trang trí các ngày lễ lớn trong năm: 42.683.000 đồng/01 đợt.

2. Đơn giá dịch và lồng tiếng dân tộc: 6.831.000 đồng/01 chương trình.

3. Đơn giá tuyên truyền, biểu diễn lưu động tại cơ sở: 11.544.000 đồng/buổi biểu diễn.

4. Đơn giá xây dựng phim phóng sự, tài liệu tại địa phương gửi về cơ sở: 39.278.000 đồng/ 01 phim phóng sự, tài liệu tại địa phương.

*(Chi tiết đơn giá theo phụ biểu đính kèm)*

\* Đơn giá nêu trên chưa bao gồm chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định, thuế GTGT, thuế TNDN.

5. Thời gian áp dụng: Từ năm 2021 và thay thế cho các đơn giá trước đây.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ đơn giá được phê duyệt tại Điều 1, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập dự toán chi tiết, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đặt hàng cung cấp dịch vụ theo quy định; hàng tháng (quý), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức nghiệm thu, xác định giá trị thanh toán theo quy định hiện hành làm cơ sở thanh, quyết toán tiền cung cấp dịch vụ theo quy định.

2. Sau khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan của trung ương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND tỉnh ban hành đơn giá chính thức. Khi có các yếu tố làm thay đổi đơn giá tại Điều 1, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp Sở Tài chính xây dựng lại đơn giá, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT3;
- Như Điều 3;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- TT Văn hóa và Điện ảnh tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu VT, VX2, TH2.

Tru

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

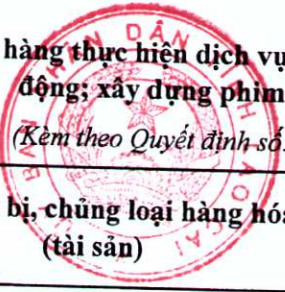


**Giảng Thị Dung**

## ĐƠN GIÁ ĐẶT HÀNG DỊCH VỤ

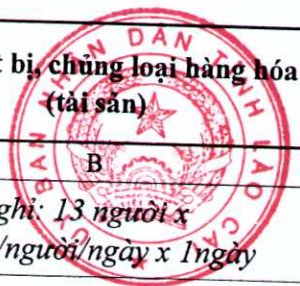
Đơn giá đặt hàng thực hiện dịch vụ: **Cổ động triển lãm, trang trí; dịch và lồng tiếng dân tộc; tuyên truyền lưu động; xây dựng phim phóng sự tài liệu tại địa phương sử dụng ngân sách nhà nước**

(Kèm theo Quyết định số: **1751** /QĐ-UBND ngày **26** / 5 / 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Tên thiết bị, chủng loại hàng hóa (tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Làm tròn	Ghi chú
A	B	1	2	3	4		5
<b>I</b>	<b>Đơn giá cổ động, triển lãm, trang trí các ngày lễ lớn trong năm</b>	<b>đồng/đợt</b>	<b>1</b>	<b>42.683.059</b>	<b>42.683.059</b>	<b>42.683.000</b>	
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp:</b>				<b>38.489.877</b>		
1.1	Chi phí NVL, CC, DC, NL trực tiếp				20.625.000		
	<i>In băng zôn: 15 chiếc/đợt x 10m2/chiếc x 50.000đ/m2</i>	<i>m2</i>	<i>150</i>	<i>50.000</i>	<i>7.500.000</i>		
	<i>In Pano trang trí trục đường Trần Hưng Đạo: 2 cái x 2 bên cột x 30 cột, KT 0,8mx2m x 50.000đ/m2</i>	<i>m2</i>	<i>240</i>	<i>50.000</i>	<i>12.000.000</i>		
	<i>Vật tư phục vụ treo băng zôn, pano cho 01 đợt: đinh, ghim, dây, keo 502...</i>	<i>Lần</i>	<i>1</i>	<i>1.125.000</i>	<i>1.125.000</i>		
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp (Chi lương và các khoản đóng góp theo lương)/đợt	Đợt	1	13.664.332	17.864.877		
	<i>Thiết kế maket băng zôn, khẩu hiệu, pano</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>3.217.500</i>	<i>3.217.500</i>		
	<i>Chi lương: 6 người x HS (3,00 + 0,3) x 9 ngày/22 ngày x 1.490.000đ</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>2.011.500</i>	<i>12.069.000</i>		
	<i>Các khoản đóng góp theo lương: 6 người x HS 3,00 x 9 ngày/22 ngày x 1.490.000đ x 23,5%</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>429.730</i>	<i>2.578.377</i>		
<b>2</b>	<b>Chi phí chung</b>				<b>4.193.182</b>		
	<i>Chi hoạt động thường xuyên theo định mức phục vụ cho 01 đợt tuyên truyền, cổ động</i>	<i>Đồng/người</i>	<i>6</i>	<i>698.864</i>	<i>4.193.182</i>		
	<b>Tổng chi phí</b>				<b>42.683.059</b>		
<b>II</b>	<b>Đơn giá dịch và lồng tiếng dân tộc</b>	<b>Đồng/chương trình</b>	<b>1</b>	<b>6.830.705</b>	<b>6.830.705</b>	<b>6.831.000</b>	
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp:</b>				<b>6.830.705</b>		
	<i>Biên dịch sang 01 tiếng dân tộc thiểu số: (20 phút/01 chương trình)</i>	<i>Chương trình</i>	<i>1</i>	<i>6.830.705</i>	<i>6.830.705</i>		
	<b>Tổng chi phí</b>				<b>6.830.705</b>		
<b>III</b>	<b>Đơn giá đi tuyên truyền biểu diễn lưu động tại cơ sở:</b>	<b>đồng/buổi</b>	<b>1</b>	<b>11.543.949</b>	<b>11.543.949</b>	<b>11.544.000</b>	

STT	Tên thiết bị, chủng loại hàng hóa (tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Làm tròn	Ghi chú
A	B	1	2	3	4		5
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>				<b>10.417.886</b>		
1.1	Chi phí nhân công trực tiếp				9.825.886		
a	Chi phí xây dựng chương trình (Căn cứ QĐ 80/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016: Số buổi hoạt động trong năm là: 130 buổi, trong đó biên tập, dàn dựng 05 chương trình mới chiếm 3,85%)				4.055.706		
	+ Biên kịch: 25.7 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	1.474.281	1.474.281		
	+ Đạo diễn: 21.4 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	1.227.611	1.227.611		
	+ Chỉ huy dàn nhạc: 4.3 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	246.670	246.670		
	+ Thiết kế mỹ thuật sân khấu: 5,4 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	309.771	309.771		
	+ Thiết kế trang phục: 4.3 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	246.670	246.670		
	+ Thiết kế đạo cụ: 3.2 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	183.568	183.568		
	+ Thiết kế ánh sáng: 4.3 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	246.670	246.670		
	+ Thiết kế âm thanh: 2.1 x 1.490.000đ x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	120.467	120.467		
b	Chi nhân công phục vụ tập luyện				180.180		
	+ Bồi dưỡng tập luyện: 13 Diễn viên x 06 buổi/Chương trình x 60.000đ/b x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Đồng/buổi	1	180.180	180.180		
c	Chi phí nhân công trực tiếp biểu diễn				5.590.000		
	+ Phụ cấp lưu trú: 13 người x 200.000đ/người/ngày x 1 ngày	Người	13	200.000	2.600.000		



STT	Tên thiết bị, chủng loại hàng hóa (tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Làm tròn	Ghi chú
A	B	1	2	3	4		5
	+ Tiền nghỉ: 13 người x 150.000đ/người/ngày x 1 ngày	Người	13	150.000	1.950.000		
	+ Bồi dưỡng biểu diễn: 1 buổi x 80.000đ/buổi x 13 người	Đồng/người	13	80.000	1.040.000		
1.2	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp				592.000		
	Mua đồ trang điểm	Đồng/buổi	1	150.000	150.000		
	Đinh, dây thép, bông bạt, đạo cụ.....	Đồng/buổi	1	150.000	150.000		
	Dầu xe 16 chỗ: 100km/buổi x 0,2l/km x 14.600đ/ lít	Đồng/buổi	1	292.000	292.000		
2	<b>Chi phí chung</b>				<b>1.126.063</b>		
	Chi hoạt động thường xuyên theo định mức phục vụ cho 3 ngày luyện tập (20.500.000/12/22 x 3 ngày x 13 người x 0,0385 chương trình/buổi tuyên truyền	Người	13	8.969	116.594		
	Chi hoạt động thường xuyên theo định mức phục vụ cho 01 buổi tuyên truyền (20.500.000/12/22 x 1 ngày x 13 người	Người	13	77.652	1.009.470		
	<b>Tổng chi phí</b>				<b>11.543.949</b>		
IV	<b>Đơn giá xây dựng phim phóng sự, tài liệu tại địa phương gửi về cơ sở</b>	Đồng/ phim phóng sự, tài liệu tại địa phương	1		39.277.720	39.278.000	
1	<b>Chi phí trực tiếp:</b>						
1.1	Chi phí xây dựng phim phóng sự, tài liệu tại địa phương (bao gồm công tác phí đi khảo sát, xây dựng chương trình, chi phí sản xuất nhuận bút đạo diễn, quay phim, người dựng phim...)				39.277.720		
	Kinh phí sản xuất mới chương trình 20 phút	Phim	1	32.447.015	32.447.015		
	Biên dịch sang 01 tiếng dân tộc thiểu số (20 phút/phim)	Phim	1	6.830.705	6.830.705		
	<b>Tổng chi phí</b>				<b>39.277.720</b>		